TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HS-ST
Ngày 02 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Nhàn.

Ông Vũ Văn Thi.

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Cao Văn T, sinh ngày 21/01/1984 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn P, sinh năm 1955, con bà Nguyễn Thị D (đã chết), có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ ngày 20/4/2011 đến ngày 20/4/2013, theo Quyết định số 928/QĐ-CTUB ngày 18/5/2011 của UBND huyện An Dương; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/01/2024; có mặt.

- *Bị hại*: Chị Võ Hồng Mi N, sinh ngày 23/5/2008; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 28/11/2023, Cao Văn T đi bộ lang thang ra khu vực Công viên An Dương, thị trấn An Dương, huyện An Dương chơi. Tại đây, T gặp và làm quen với cháu Phạm Thế Quyền, sinh năm 2011, trú tại thôn Tự Lập, xã Đặng Cương, huyện An Dương và cháu Bùi Phúc Thịnh, sinh năm 2011, trú tại thôn Đồng Dụ, xã Đặng Cương, huyện An Dương. Qua trò chuyện T biết được cả hai cháu đều bỏ học đi lang thang không có tiền ăn tiêu. Đến khoảng hơn 15 giờ cùng ngày, T phát hiện thấy chị Võ Hồng Mi Na, sinh ngày 23/5/2008 cùng bạn là Nguyễn Văn Trung, sinh năm 2008, trú tại thôn Minh Kha, Đồng Thái, An Dương đi xe máy điện màu đen, chưa có biển kiểm soát vào trong công viên và dựng tại đoạn cuối của đường nội bộ trong công viên rồi cả hai ra đảo ở giữa hồ Rế ngồi chơi, cách vị trí để xe máy điện khoảng 50 đến 70 mét. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, thấy 02 cháu Trung, Na vẫn ngồi chơi trong đảo nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy điện cầm cố lấy tiền ăn tiêu. T đã xúi giục và chỉ vị trí chiếc xe máy điện của chị Na để cháu Thịnh và Quyền trộm cắp. T hướng dẫn cháu Quyền đi đến dắt xe đạp dựng ở cạnh xe máy điện ra chỗ khác để cháu Thịnh vào lấy xe máy điện rồi mang sang ngõ bê tông cạnh Nhà văn hóa huyện An Dương (cạnh chỗ bán hoa), T sẽ đứng chờ ở đó rồi cùng mang đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu thì cháu Quyền và Thịnh đồng ý. Sau đó Quyền đi đến chỗ xe máy điện dắt của chị Na dắt chiếc xe đạp ở bên cạnh sang dựng bên góc đường đối diện. Thịnh quan sát xung quanh không có ai vào dắt xe máy điện dong ra rồi ngồi lên yên xe máy điện dùng chân đẩy, Quyền đi bộ phía sau dùng tay đẩy xe máy điện đến chỗ đường bê tông cạnh nhà văn hóa huyện An Dương gặp T. Tại đây, T lấy tuốc nơ vít để cậy mở ổ khóa xe máy điện nhưng không mở được. Đến khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, T cùng cháu Thịnh và Quyền đẩy xe theo đường chợ Rế đi sang thôn Vân Tra, xã An Đồng vào nhà anh Đỗ Khắc Cường, sinh năm 1972 ở thôn Vân Tra, xã An Đồng để nhờ mở khóa điện nhưng anh Cường không ở nhà, khi cả 3 dắt xe ra thì gặp anh Cường đang đi xe máy về. T bảo với anh Cường xe của 2 cháu bị mất chìa khóa và nhờ anh Cường đẩy giúp xe đến chỗ nào có tiệm sửa chữa để đấu điện đi tạm. Anh Cường đồng ý và đẩy xe đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Bá Xuân Linh, sinh năm 1993, số nhà 474, đường Quốc lộ 17B thôn Vân Tra, xã An Đồng. Tại đây T đã nhờ anh Linh đấu điện chiếc xe máy điện của chị Na.

Sau khi được anh Linh đấu điện, T điều khiển xe máy điện chở cháu Thịnh và Quyền đến nhà chị Đỗ Thị Thúy, sinh năm 1974, trú tại thôn Hoàng Lâu, xã Hồng Phong, huyện An Dương cầm cố được 1.900.000 đồng. T trả chị Thúy số tiền vay trước đó là 200.000 đồng, chuộc lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh đã cầm cố là 700.000 đồng. Số tiền còn lại chị Thúy đưa cho T là

1.000.000 đồng. T dùng xe máy Wave mới chuộc chở cháu Quyền và Thịnh đi ăn phở rồi chia cho cháu Quyền 200.000 đồng, cho cháu Thịnh 150.000 đồng rồi chở cháu Quyền về chợ Hoàng Lâu, chở cháu Thịnh về chợ Minh Kha để cả hai đi bộ về nhà, số tiền còn lại T giữ sử dụng cho bản thân. Chiều ngày 29/11/2023, T bảo vợ là Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1983 chở đến nhà chị Thuý để chuộc chiếc xe máy điện. Chị Thúy đồng ý cho chuộc xe với giá 2.000.000 đồng, chị Tuyết đã chuyển khoản thanh toán tiền cho chị Thúy. Sau khi chuộc xe, T mang xe đến nhà mẹ đẻ chị Tuyết ở thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ, Kim Thành, tỉnh Hải Dương cất dấu.

Chiều ngày 28/11/2023, sau khi phát hiện bị mất xe máy điện, cháu Na đã đến Công an thị trấn An Dương trình báo. Ngày 30/11/2023 khi biết Cơ quan Công an có giấy triệu tập T để làm rõ chiếc xe máy điện, chị Tuyết đã mang xe máy điện giao nộp cho cơ quan Công an. Ngày 01/12/2023, T đến trụ sở Công an để khai báo về sự việc nêu trên.

UBND thị trấn An Dương đã cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 USB bên trong có file video chứa dữ liệu camera (được trích từ hệ thống camera giám sát) thu được tại hiện trường Công viên An Dương, thời gian từ 17 giờ 19 phút 02 đến 17 giờ 21 phút 45 ngày 28/11/2023.

Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HDĐG ngày 05/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng kết luận: Xe gắn máy điện hai bánh nhãn hiệu KAZUKIGOGO LIMITED, màu sơn đen, số khung: RNKY4ELHDPDA02997, số động cơ: LM60V1000WKA03019, giá trị: 14.700.000đ (Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kết luận giám định số: 960/KL-KTHS ngày 23/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: 01 tập tin video có phần mở rộng "MP4" dung lượng 22,6 MB được lưu trong USB không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Tại cơ quan điều tra Cao Văn T khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung nêu trên và khai: Khi đem xe máy điện đi cầm cố tại nhà chị Nguyễn Thị Thuý và khi cùng vợ là chị Nguyễn Thị Tuyết đi chuộc xe. T không nói cho chị Thúy và Tuyết biết xe máy điện là do T trộm cắp mà có.

Cháu Phạm Thế Quyền và Bùi Phúc Thịnh khai: Chiều ngày 28/11/2023 cháu Quyền và Thịnh đang ngồi chơi ở ghế đá bên trong hồ Rế thì Cao Văn T đi đến nói chuyện và giới thiệu nhà ở thị trấn An Dương. Một lúc sau T hỏi hai cháu muốn có tiền ăn tiêu không và chỉ tay về chiếc xe máy điện đang dựng ở phía cuối đoạn đường nội bộ trong công viên. T nói nếu muốn thì ra kia trộm xe đem bán nên cháu Quyền và Thịnh đồng ý. T bảo cháu Quyền đi đến dắt xe đạp dựng ở cạnh xe máy điện ra chỗ khác để cháu Thịnh vào lấy xe máy điện rồi mang sang ngõ bê tông cạnh Nhà văn hóa huyện An Dương, T chờ ở đó. Sau khi lấy được xe máy điện, cháu Quyền và Thịnh đẩy xe đến ngõ bê tông cạnh nhà văn hóa gặp T. Sau khi không mở khóa điện được, T cùng hai cháu đẩy xe đi nhờ người mở khóa

rồi chở hai cháu đến thôn Hoàng Lâu, xã Hồng Phong để cầm cố xe. T cho cháu Quyền 200.000 đồng, cho cháu Thịnh 150.000 đồng.

Bị hại chị Võ Hồng Mi N khai: Chiều ngày 28/11/2023, chị Na cùng bạn là anh Nguyễn Văn Trung đi xe máy điện nhãn hiệu GOGO LIMITED màu đen của chị đến Công viên An Dương chơi. Chị Na dựng xe ở cuối của đường nội bộ trong công viên rồi cùng anh Trung ra đảo ở giữa hồ Rế ngồi chơi, cách vị trí để xe máy điện khoảng 50 đến 70 mét. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày chị Na ra chỗ để xe thì phát hiện xe bị mất. Chị Na hỏi mọi người xung quanh thì được biết trước đó có 02 học sinh khoảng 12 đến 13 tuổi đã dắt xe của chị Na đi, sau đó chị Na đến Công an thị trấn An Dương để trình báo.

Chị Nguyễn Thị T khai: Tối ngày 28/11/2023, Cao Văn T đi cùng 02 cháu bé mang theo 01 chiếc xe máy điện màu đen không có biển kiểm soát đến nhà chị để cầm cố với số tiền 1.900.000 đồng, đồng thời chuộc 01 chiếc xe máy đã cầm cố với số tiền 700.000 đồng và trả chị Thúy số tiền vay trước đó là 200.000 đồng. Chị Thúy đồng ý và đưa số tiền còn lại cho T là 1.000.000 đồng. Chiều ngày 29/11/2023, T cùng vợ đến chuộc chiếc xe máy điện nói trên với số tiền 2.000.000 đồng (gốc 1.900.000 đồng, lãi 100.000 đồng). Vợ T đã chuyển khoản ngân hàng trả đủ tiền cho chị. Trước đây chị Thúy có giấy phép kinh doanh cầm đồ nhưng đã hết hạn từ năm 2021. T là khách quen nên vẫn đem xe đến nhà chị cầm cố, khi cầm cố xe máy điện, T nói là xe của T mua trả góp nên chưa có biển kiểm soát.

Chị Nguyễn Thị T khai: T và chị T là vợ chồng, chiều ngày 29/11/2023, T bảo chị cùng đến nhà chị Thuý để chuộc chiếc xe máy điện. Tại đây, chị Thúy đồng ý cho chuộc với giá 2.000.000 đồng nên chị đã chuyển khoản thanh toán tiền cho chị Thúy. Sau đó T mang xe về để ở nhà mẹ đẻ chị Tuyết ở thôn Kỳ Côi, xã Tam Kỳ, Kim Thành, Hải Dương. Ngày 30/11/2023 khi biết Công an huyện An Dương có giấy triệu tập T để làm rõ nguồn gốc chiếc xe máy điện, chị Tuyết đã giao nộp xe cho cơ quan Công an. Khi đến nhà chị Thúy chuộc xe máy điện, T không cho chị biết đây là xe do T trộm cắp mà có.

Tại bản Cáo trạng số: 75/CT-VKS ngày 27/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương đã truy tố bị cáo Cao Văn T về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản như đã khai tại Cơ quan điều tra và Cáo trạng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử T bố bị cáo Cao Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, o khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Cao Văn T mức án từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu cử trợ giúp viên pháp lý và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 6 Điều 8 Luật trợ giúp pháp lý; khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử không cử trợ giúp viên pháp lý và tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ đã xác định: Chiều ngày 28/11/2023, Cao Văn T đã có hành vi xúi giục cháu Phạm Thế Quyền sinh ngày 20/4/2011 và Bùi Phúc Thịnh sinh ngày 02/01/2011 lén lút chiếm đoạt xe máy điện trị giá 14.700.000 đồng của chị Võ Hồng Mi Na tại Công viên An Dương, thị trấn An Dương, huyện An Dương. Do vậy đủ cơ sở kết luận bị cáo Cao Văn T đã phạm tội Trộm cắp tài sản, vi phạm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo xúi giục cháu Phạm Thế Quyền, sinh ngày 20/4/2011 và Bùi Phúc Thịnh, sinh ngày 02/01/2011 (đều dưới 18 tuổi) chiếm đoạt tài sản của chị Võ Hồng Mi Na, sinh ngày 23/5/2008 (dưới 16 tuổi) nên bị cáo phải chịu các tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội đối với người dưới 16 tuổi"* và *"xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội"*, quy định tại điểm i, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ ngày 20/4/2011 đến ngày 20/4/2013, theo Quyết định số 928/QĐ-CTUB ngày 18/5/2011 của UBND huyện An Dương.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn

hối cải, nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp với 02 tình tiết tăng nặng *"phạm tội đối với người dưới 16 tuổi"* và *"xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội"*. Bản thân bị cáo thừa nhận là người sử dụng ma túy nên cần xử lý nghiêm. Cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và để phòng ngừa tội phạm chung đồng thời để bị cáo cai nghiện ma túy.

[5] Về hình phạt bổ sung: Mặc dù bị cáo phạm tội do vụ lợi, tuy nhiên bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định và là người sử dụng ma túy, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe máy điện nhãn hiệu KAZUKI GOGO LIMITED, sơn màu đen chưa đeo biển kiểm soát. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Na quản lý sử dụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 USB chứa dữ liệu camera thu tại hiện trường, đây là tài liệu chứng cứ của vụ án nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền chị Nguyễn Thị Tuyết (vợ bị cáo) bỏ ra để chuộc xe máy điện. Chị Tuyết không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo cho cháu Quyền; 150.000 đồng cho cháu Thịnh. Đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có, tuy nhiên tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại. Mặt khác, chị Tuyết (người chuộc xe máy điện) cũng không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không buộc cháu Quyền và Thịnh nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền này.

[8] Đối với cháu Bùi Phúc Thịnh và Phạm Thế Quyền khi thực hiện hành vi chiếm đoạt đều chưa đủ 16 tuổi nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với việc chị Nguyễn Thị Thuý có hành vi cầm cố tài sản nhưng không có giấy phép kinh doanh. Công an huyện An Dương đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với chị Tuyết về hành vi này.

Đối với việc chị Nguyễn Thị Thúy nhận cầm cố xe máy điện, chị Nguyễn Thị Tuyết chuộc xe máy điện. Khi cầm cố và chuộc xe, chị Thúy và Tuyết đều không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xem xét xử lý về hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, o khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Văn T 12 (Mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- TAND TP Hải Phòng;
- Công an huyện An Dương;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chỉnh